

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện đi làm xa nên anh H xin xét xử vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong vụ án cho chị Nguyễn Thị N nhưng chị N không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của pháp luật; về nội dung vụ án: Đề nghị xét xử vắng mặt anh H và chị N, yêu cầu của anh H về hôn nhân, con chung là có cơ sở chấp nhận, tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không xem xét, về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Sơn Minh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là chị Nguyễn Thị N. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Chị N có nơi cư trú tại ấp K, xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh H và chị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để xét xử sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị N vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh H và chị N tự nguyện chung sống với nhau vào khoảng năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 07/10/2014. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và chị N bỏ nhà đi vào khoảng năm 2010, anh H không biết chị N đi đâu nên vợ chồng đã ly thân từ khoảng 10 năm nay. Khi chị N bỏ đi thì anh H vẫn còn ở nhà riêng buôn bán và nuôi con cho đến khoảng năm 2017 thì về nhà cha mẹ ruột ở ấp B, xã Vĩnh B, huyện T, tỉnh Kiên Giang ở cho đến nay. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên cha mẹ có hàn gắn nhiều lần cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả do chị N không đồng ý hàn gắn. Điều này phù hợp với biên bản lấy lời khai

người làm chứng ngày 28/8/2020. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để anh H và chị N có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng chị N vẫn vắng mặt không lý do là không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Điều đó, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh H được ly hôn với chị N.

[2.2] Về con chung: anh chị có 01 người con chung tên Sơn Thị Y, sinh ngày 19/10/2003 hiện đang ở với chị N, anh H tự nguyện giao cháu Y cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng nên cần giao cháu Y cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét là phù hợp.

[2.4] Về nợ chung: Anh H xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 28/8/2020 cũng xác định không nghe ai thừa kế anh chị về nợ tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh H phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do anh H đã dự nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

[4] Xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Sơn Minh H và chị Nguyễn Thị N.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Anh Sơn Minh H được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.
2. Về con chung: Giao cháu Sơn Thị Y, sinh ngày 19/10/2003 cho chị N tiếp

tục nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh H phải chịu 300.000 đồng. Ngày 03/6/2020 anh H đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011257 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Anh H và chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND xã Tân Bằng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Phạm Lan Chi